

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TỄ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy

Ông Đinh Trọng Hà

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Út - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2014 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường, tuy có lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng không thường xuyên và vẫn tự hòa giải với nhau. Đến năm 2023 mâu thuẫn

giữa anh chị ngày càng nhiều và trầm trọng hơn nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị bắt đầu sống ly thân từ ngày 25/8/2023 và chị đưa con về chung sống cùng bố mẹ ruột của mình tại Thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, qua lại cũng như không có mong muốn hàn gắn và không muốn quay về đoàn tụ.

Nay chị H yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị H xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh Bùi Văn T có 01 con chung tên là Bùi Minh L, sinh ngày: 13/08/2016. Hiện cháu L đang sống cùng chị và do cháu L còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Bùi Văn T nhưng anh T từ chối nhận. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Bùi Minh L, sinh ngày: 13/08/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn T và sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bị đơn anh T cư trú tại Tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2014 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến để hòa giải nhưng anh T không đến, điều này cũng chứng tỏ anh T không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm; còn chị H xác định hiện không còn tình cảm gì với anh T, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau và chị H cương quyết yêu cầu ly hôn.

Ngày 19/4/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T thì được chính quyền địa phương cung cấp thông tin giữa vợ chồng anh T chị H có xảy ra mâu thuẫn và đang có ý định bỏ nhau, mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương thì không nắm rõ. Anh T và chị H đã sống ly thân với nhau trước tháng 12 năm 2023, chị H về xã M sinh sống còn anh T hiện vẫn sinh sống tại Tổ dân phố I, thị trấn Đ. Như vậy hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H.

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Chị H xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh T có 01 con chung tên là Bùi Minh L, sinh ngày: 13/08/2016. Quá trình giải quyết vụ án chị H cũng đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị có chỗ ở và thu nhập ổn định đồng thời cháu L cũng có bản tự khai trình bày nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu L cũng như xem

xét nguyện vọng của cháu, nhận thấy cần tiếp tục giao con chung là Bùi Minh L, sinh ngày: 13/08/2016 cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị H xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh L, sinh ngày: 13/08/2016 cho chị Bùi Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007902 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Đình Đạo